

Bản án số: 83/2020/HS-ST

Ngày: 22-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Hồng;

Ông Ngô Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang - Thư ký Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2020/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/QĐXXST-HS ngày 01/7/2020, đối với bị cáo họ và tên:

Huỳnh Thị Ngọc G; tên gọi khác: /; giới tính: Nữ; sinh năm 1980 tại tỉnh Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số C đường B, Khu phố G, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn O và bà Phan Thị C; có chồng và 03 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/08/2019 đến ngày 30/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Minh Q, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp V, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An; nơi cư trú: Số X đường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Bà Hoàng Thị Trung D (tên gọi khác N), sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Số 117/8C đường T, phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 623 đường H, phường Đ, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh;

3/ Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: ấp T, xã M, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Số 603 đường H, phường Đ, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh;

4/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Số 623 đường H, phường Đ, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh;

5/ Ông Trần Nguyễn Thanh P, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số C đường X, Khu phố G, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

6/ Ông Chheang Tăng S, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số 313 đường L, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

7/ Bà Dư Ngọc Dung, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 75 đường P, Phường 16, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/8/2019, Đội Cảnh sát hình sự Công an Quận 7 phối hợp cùng Công an phường Đ, Quận 7 tiến hành kiểm tra khách sạn Hòa Bình, địa chỉ: Số 623 đường H, phường Đ, Quận K do bà Huỳnh Thị Ngọc G làm chủ, phát hiện bắt quả tang 02 cặp nam nữ đang mua bán dâm tại phòng số 104 lầu 1 và phòng số 202, lầu 2 của khách sạn gồm: Phạm Minh Q, Hoàng Thị Trung D (tên gọi khác: N), Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Thị T. Tại Công an Quận 7, G khai nhận: G cùng chồng Trần Nguyễn Thanh P thuê khách sạn Hòa Bình của ông Chheang Tăng S giá 50.000.000 đồng/tháng, có làm hợp đồng ủy quyền từ năm 2016 đến nay.

Ngày 07/8/2019 chị Hoàng Thị Trung D, Nguyễn Thị T đến thuê phòng khách sạn gặp G nói khi nào có khách thuê phòng có nhu cầu mua dâm thì báo cho D, T biết; giá bán dâm là 300.000 đồng/người/01 lần. Vì kinh doanh ế ẩm muốn kiếm thêm thu nhập nên G đồng ý. G chỉ lấy tiền phòng giá 60.000 đồng - 70.000 đồng/giờ, không hưởng hoa hồng từ việc gái bán dâm, khách tự trả tiền cho gái bán dâm. Lúc 15 giờ ngày 08/8/2019, có Phạm Minh Q, Nguyễn Hoàng A đến thuê phòng và mua dâm với D, T; sau khi thỏa thuận đồng ý giá mua dâm thì Nguyễn Hoàng A đưa G số tiền 760.000 đồng trong đó 600.000 đồng tiền mua dâm, 160.000 đồng tiền thuê phòng và nước uống. G giao chìa khóa phòng 104, 202 cho Q và A; khi D và T đang bán dâm cho khách tại phòng 104 lầu 1 và 202 lầu 2 thì bị Công an kiểm tra bắt quả tang.

Khi bị bắt, Hoàng Thị Trung D khai nhận đã bán dâm tại khách sạn Hòa Bình được 05 lần, tuy nhiên G hoàn toàn không biết D bán dâm, G chỉ lấy tiền phòng của khách đến thuê phòng.

Vật chứng thu giữ:

- Số tiền 600.000 đồng là tiền mua dâm; 160.000 đồng là tiền khách trả để thuê 02 phòng mua dâm.

- 01 cuốn sổ màu đỏ đen, ghi chép thời gian khách đến thuê phòng.

- 01 (một) cái bao cao su đã qua sử dụng được niêm phong, thu giữ của Nguyễn Thị T.

- 02 (hai) cái bao cao su được niêm phong gồm: 01 cái đã sử dụng và 01 cái chưa sử dụng, thu giữ của Hoàng Thị Trung D.

Bản Cáo trạng số 52/CT-VKSQ7 ngày 27/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc G về tội “Chứa mại dâm” theo Khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân là lao động chính, hoàn cảnh của gia đình bị cáo hiện nay khó khăn cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ và được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc G phạm tội “Chứa mại dâm”;

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 5 Điều 327; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo từ 01

(một) đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 (hai) đến 04 (bốn) năm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Đối với những người mua dâm, bán dâm: Phạm Minh Q, Hoàng Thị Trung D, Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Thị T; Cơ quan điều tra có văn bản thông báo Công an phường Tân Thuận Đông, Quận 7 lập hồ sơ xử lý hành chính là có căn cứ.

Đối với ông Chheang Tăng S và ông Trần Nguyễn Thanh P, không biết bị cáo G chứa mại dâm tại khách sạn Hòa Bình, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc G dùng địa điểm kinh doanh khách sạn do mình làm chủ, chứa chấp cho gái bán dâm với khách tại các phòng 104, 202 của khách sạn nhằm thu tiền phòng tại địa chỉ 623 đường H, phường Đ, Quận K vào ngày 08/8/2019. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Chứa mại dâm” thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Nhằm mục đích thu lợi, tăng doanh thu của khách sạn bị cáo đã xâm phạm thuần phong mỹ tục, đạo đức xã hội; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an trên địa bàn Quận 7; do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đề nghị phạt bổ sung bị cáo số tiền là có căn cứ.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo là lao động chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; hiện là lao động chính nên không cần bắt chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[5] Đối với người mua bán dâm Phạm Minh Q, Hoàng Thị Trung D, Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Thị T; Cơ quan điều tra đã có văn bản thông báo Công an phường Tân Thuận Đông, Quận 7 lập hồ sơ xử lý hành chính là có căn cứ.

Đối với ông Chheang Tăng S và ông Trần Nguyễn Thanh P, không biết bị cáo chứa mại dâm tại khách sạn Hòa Bình, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ .

[5] Xử lý vật chứng:

- Số tiền 760.000 đồng là tiền khách mua dâm và trả tiền thuê phòng để mua dâm nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 cuốn sổ màu đỏ đen, ghi chép thời gian khách đến thuê phòng là tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án nên tiếp tục thu và lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy: Các bao cao su thu giữ tại các phòng 104, 202 của Nguyễn Thị T, Hoàng Thị Trung D.

[6] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc G phạm tội “Chứa mại dâm”.

1. Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 5 Điều 327; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Huỳnh Thị Ngọc G 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 22/7/2020.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Giao bị cáo Huỳnh Thị Ngọc G cho Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Huỳnh Thị Ngọc G cho đến khi có Quyết định Thi hành án theo quy định của pháp luật.

3 Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) bao cao su đã niêm phong.

3.2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 760.000 (bảy trăm sáu mươi ngàn) đồng.

3.3. Thu và lưu giữ vào hồ sơ vụ án: 01 cuốn sổ màu đỏ đen, ghi chép thời gian khách đến thuê phòng.

(theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 5886169 ngày 17/10/2019 (tài khoản Kho bạc Nhà nước Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 58 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7.)

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được niêm yết theo quy định pháp luật.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo tại phiên tòa.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Sang)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong